***Ngày soạn: 13/08/2017 Ngày dạy:***

**Tuần 1- Tiết 3:**

**TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN: CẤP ĐỘ KHÁI QUÁT CỦA NGHĨA TỪ NGỮ**

**A. Mục tiêu cần đạt:**

***1. Kiến thức:***

- Giúp học sinh hiểu rõ cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ và mối quan hệ về cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ

***2. Kĩ năng:***

- Thực hành so sánh, phân tích các cấp độ khái quát về nghĩa của từ ngữ.

- Kĩ năng sống: nhận ra và biết sử dụng từ đúng nghĩa/ trường nghĩa theo mục đích giao tiếp cụ thể.

***3. Thái độ:***

- Giáo dục học sinh sử dụng từ Tiếng Việt cho đúng.

**B. Chuẩn bị:**

- Giáo viên: Soạn giáo án, đọc tài liệu tham khảo.

- Học sinh: Học bài cũ, ôn lại kiến thức về danh từ.

**C. Phương pháp - Kỹ thuật dạy học:**

- Phương pháp: *Thuyết trình,* *vấn đáp,* *tái hiện, phân tích cắt nghĩa, nêu vấn đề…*

- Kỹ thuật dạy học: động não, phân tích, thực hành.

**D. Tiến trình tổ chức các hoat động dạy- học:**

**A. HĐ khởi động (5’)**

**I. Ổn định tổ chức lớp.**

**II. Kiểm tra bài cũ.**

? Em hãy nhắc lại kiến thức: Thế nào là từ đồng nghĩa? Thế nào là từ trái nghĩa? Lấy ví dụ cụ thể?

- Cho học sinh nhận xét

- Giáo viên nhận xét, cho điểm.

**III . Bài mới.**

+ Các từ đồng nghĩa có thể thay thế cho nhau trong một câu văn cụ thể.

+ Các từ trái nghĩa trong nhóm có thể loại trừ nhau khi lựa chọn để đặt câu.

? Vậy quan hệ của các từ dựa trên cơ sở nào? (đồng nghĩa và trái nghĩa)

Ngoài ra từ còn có những mối quan hệ khác như quan hệ bao hàm.

Vậy nghĩa của từ có những cấp độ khác nhau như thế nào hôm nay chúng ta cùng học bài "Cấp độ khái quát nghĩa của từ".

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **HĐ của trò** | **Nội dung cần đạt** | **HT và PTNL** |
| 1. **KHỞI ĐỘNG** | | | |
| Thi kể tên các đồ dùng học tập  Gv dẫn vào bài | Kể tên |  | NL tư duy |
| **B. Hình thành kiến thức mới** | | | |
| G/v ghi sơ đồ SGK tr 10 lên bảng  - Học sinh quan sát sơ đồ  - G/v kẻ sơ đồ để học sinh nhận biết.    Động vật      Thú Chim Cá  (voi,hươu,..) (tu hú, sáo) (rô,thu)            ? Nghĩa của từ “động vật” rộng hơn hay hẹp hơn các từ “thú, cá, chim”.  ? Vì sao.  - Nghĩa của từ “động vật” bao hàm cả phạm vi nghĩa của các từ “thú chim cá”.  ? Nghĩa của từ “thú” rộng hơn hay hẹp hơn nghĩa của các từ “voi, hươu”.  ? Vì sao.  -Nghĩa của từ “thú” bao hàm cả phạm vi nghĩa của các từ “voi, hươu”.  ? Nghĩa của từ “cá” rộng hay hẹp hơn nghĩa của từ “cá thu, cá rô”.  ? Vì sao.  ? Nghĩa của từ “chim” rộng hơn hay hẹp hơn nghĩa của từ “tu hú, sáo”.  ? Vì sao.  ? Nghĩa của các từ “thú, chim, cá” rộng hơn nghĩa của các từ nào và đồng thời hẹp hơn nghĩa của các từ nào.  ? Qua phần tìm hiểu trên em hiểu thế nào là một từ có nghĩa rộng và một từ có nghĩa hẹp.  - Cho học sinh đọc ghi nhớ  **C. HĐ thực hành**  - GV cho học sinh lên bảng làm bài tập.  -> Cho học sinh nhận xét bài làm của bạn.  -> Giáo viên nhận xét, cho điểm.  ? Lập sơ đồ thể hiện cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ trong mỗi nhóm từ sau đây? | HS đọc VD  HS trả lời  HS trả lời | **I.Từ ngữ nghĩa rộng, từ ngữ nghĩa hẹp.**  **1. Ví dụ.**  - Sơ đồ: SGK-10  **2. Nhận xét.**  - Nghĩa của từ “động vật” rộng hơn nghĩa của các từ “thú, chim, cá”  + Vì: Từ “động vật” chỉ chung cho tất cả các sinh vật có cảm giác và tự vận động được: người, thú, chim, sâu  - Nghĩa của từ “thú” rộng hơn nghĩa của các từ “voi, hươu”  + Vì: từ “thú” có nghĩa khái quát, bao hàm tất cả các động vật có xương sống bậc cao, có lông mao, tuyến vú, nuôi con bằng sữa.  - Rộng hơn vì: Phạm vi nghĩa của từ “cá” bao hàm nghĩa các từ “cá rô, cá thu”.  - Rộng hơn vì: Phạm vi nghĩa của từ “chim” bao hàm nghĩa các từ “tu hú, sáo”.  - Nghĩa của từ “thú, chim, cá” rộng hơn nghĩa của các từ “voi, hươu, tu hú, sáo, cá rô, cá thu” đồng thời hẹp hơn nghĩa từ “động vật”.  **3.** ***Ghi nhớ****. SGK tr10*  - Từ có nghĩa rộng khi nghĩa của nó bao hàm nghĩa của các từ khác.  - Từ có nghĩa hẹp khi nghĩa của nó bị bao hàm bởi nghĩa của các từ khác.  - Một từ vừa có nghĩa rộng vừa có nghĩa hẹp. | NL tự học  NL tư duy  NL giao tiếp tiếng Việt |
| 1. **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP** | | | |
| - Giáo viên cho học sinh thảo luận theo bàn làm bài tập 2,3,4,5 (4 nhóm, mỗi nhóm 1 bài)  - Gọi học sinh trả lời sau khi đã thảo luận  - GV nhận xét, cho điểm.  ? Tìm từ ngữ có nghĩa rộng so với nghĩa của các từ ngữ ở các nhóm sau đây?  ? Tìm các từ ngữ có nghĩa được bao hàm trong phạm vi nghĩa của mỗi từ sau?  ? Chỉ ra những từ không thuộc phạm vi nghĩa trong mỗi nhóm từ sau?  ? Tìm 3 động từ cùng thuộc 1 phạm vi nghĩa? | HS làm bài tập | I**I. Luyện tập.**  *Bài tập 1*  a. Y phục  quần áo  quần đùi; q dài áo dài; sơ mi    b. Vũ khí    súng bom  s.trường; đại bác b.ba càng; b.bi  *Bài tập 2.*  a. chất đốt d. nhìn  b. nghệ thuật c. thức ăn. e. đánh  *Bài tập 3.*  a. xe cộ: xe đạp; xe máy; ôtô…  b. kim loại: đồng; sắt; vàng…  c. hoa quả: cam; xoài; nhãn…  d. họ hàng: họ nội; họ ngoại…  e. mang: xách; đeo; gánh…  *Bài tập 4.*  a. thuốc lào. c. bút điện.  b. thủ quỹ d. hoa tai.  *Bài tập 5.*  + Động từ có nghĩa rộng: khóc.  + Động từ có nghĩa hẹp: nức nở; sụt sùi | NL giải quyết vấn đề |

**IV.Củng cố:**

? Qua bài học em hiểu gì về cấp độ khái quát của nghĩa từ ngữ .

? Lấy ví dụ về từ ngữ có nghĩa rộng, ví dụ về từ ngữ có nghĩa hẹp, từ ngữ vừa có nghĩa rộng vừa có nghĩa hẹp.

**V.Hướng dẫn học ở nhà:**

- Học lại bài cũ.

- Làm hoàn chỉnh bài tập trong SGK.

**\* Rút kinh nghiệm:**

......................................................................................................................................................................................................................................................................